

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/LĐ-PT

Ngày 31 - 12 - 2020

V/v tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền
trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp
đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thu Hằng

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 10/2020/TLPT-LĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc thanh toán tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 18/17/897 D, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công M, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Công M, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 510 Phạm Văn G, phường A, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam; trụ sở: Số 2 P, phường L, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Văn K - Trợ lý Tổng giám đốc; có mặt (Văn bản ủy quyền số 126/2020/UQ-ĐTTS ngày 30/12/2020 của Tổng Giám đốc).

- *Người kháng cáo*:

Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày trình bày:

Ông Đặng Thanh T là người lao động làm việc tại Xí nghiệp Cơ khí dịch vụ vật tư thủy sản nay là Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam (viết tắt là Công ty đóng tàu) theo Hợp đồng lao động được ký kết ngày 13-9-1997 có thời hạn một năm từ ngày 15-9-1997 đến ngày 15-9-1998. Hết thời hạn một năm ông T vẫn làm việc tại Công ty đóng tàu và các bên không ký kết hợp đồng lao động mới nên hợp đồng lao động giữa ông T và Công ty đóng tàu trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Ngày 01-01-2014, Công ty đóng tàu và ông T ký Hợp đồng lao động số 14/HĐLD. Theo hợp đồng lao động số 14/HĐLD ngày 01-01-2014 và Quyết định số 83 ngày 16-12-2014 của Tổng giám đốc Công ty đóng tàu về việc nâng bậc lương cho cán bộ, công nhân viên thì liên lương 06 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động của ông T là 6.939.000 đồng/tháng.

Ngày 04-5-2019 ông T có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty đóng tàu. Ngày 27-6-2019, Công ty đóng tàu đã ban hành Quyết định số 74/2019/QĐ-ĐTTS-TC v/v chấm dứt hợp đồng lao động số 14/HĐLD ngày 01-01-2014 giữa Công ty đóng tàu và ông T; nghề nghiệp: Nhân viên vật tư; tiền lương: 6.939.000 đồng/tháng kể từ ngày 01-7-2019.

Ngày 24-7-2019, ông T yêu cầu Công ty đóng tàu thanh toán tiền trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không được thanh toán nên ông T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty đóng tàu phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động cho ông với số tiền là 11 năm x (6.939.000 đồng : 2) = 38.645.000 đồng.

Tại Công văn số 36/2020/ĐTTS-TCHC đề ngày 19-5-2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Công ty đóng tàu và ông Đặng Thanh T đã ký kết Hợp đồng lao động có thời hạn một năm. Sau đó các bên không ký lại hợp đồng nên hợp đồng lao động

giữa Công ty đóng tàu và ông T đã chuyển sang hợp đồng lao động không xác định thời hạn như nguyên đơn trình bày là đúng. Ngày 01-01-2014, Công ty đóng tàu và ông T ký Hợp đồng lao động số 14/HDLĐ. Tại Điều 3 Mục 1 Hợp đồng lao động quy định: Mức lương chính hoặc tiền công của ông T là bậc 5/6, hệ số 3,6; hình thức trả lương, trả lương khoán theo công việc.

Căn cứ theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP và Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14-5-2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, Công ty đóng tàu đã được quyền chủ động xây dựng thang bảng lương. Do vậy, ngày 01-12-2014 Công ty đóng tàu đã xây dựng thang bảng lương mới và chuyển xếp lương cho ông T từ bậc 5/6 hệ số 3,6 sang bậc 6/7 hệ số tương đương là 1,58. Căn cứ Quyết định số 83 ngày 16-12-2014 của Tổng Giám đốc Công ty đóng tàu về việc nâng bậc lương cho cán bộ, công nhân viên trong đó ông T từ hệ số 1,58, bậc 6/7 lên hệ số 1,66, bậc 7/7. Theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 16-11-2018 của Chính phủ quy định lương tối thiểu vùng I (áp dụng đối với thành phố Hải Phòng năm 2019) là 4.180.000 đồng/tháng thì tiền lương 06 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động của ông T là 6.939.000 đồng/tháng. Nhưng theo Quyết định 138/ĐTTS-QĐ ngày 30-8-2017 về việc điều chỉnh tiền lương khởi gián tiếp và phục vụ Công ty của Tổng Giám đốc Công ty quy định, mức lương khoán theo công việc của ông T kể từ ngày 01-9-2017 cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động là 4.800.000 đồng/tháng. Và theo bảng thanh toán lương thực tế tại Công ty ông T đã ký nhận thì mức lương 06 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động (từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2019) của ông T là 4.800.000 đồng/tháng nhưng ông T không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại. Cho nên, Công ty chỉ chấp nhận mức lương bình quân 06 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động để tính trợ cấp thôi việc cho ông T là 4.800.000 đồng/tháng.

I. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào Điều 15, Điều 16, Điều 22, Điều 23, Điều 36, Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012; điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Buộc Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam phải thanh toán tiền trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động cho ông Đặng Thanh T số tiền là 38.645.000 (Ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam phải chịu 1.159.350 (Một triệu một trăm năm mươi chín nghìn ba trăm năm mươi) đồng án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

II. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2020 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn với nội dung kháng cáo một phần Bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và đề nghị tòa án cấp phúc thẩm tuyên mức lương để tính trợ cấp thôi việc cho ông Đặng Thanh T là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và tiền trợ cấp thôi việc cho ông Đặng Thanh T là 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

III. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc T theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung kháng cáo: Theo quy định của Hợp đồng lao động số 14/HĐLĐ, Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 74/2029/QĐ-TĐTTS-TC đối với ông Đặng Thanh T và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 16-11-2018 của Chính phủ quy định lương tối thiểu vùng I, xác định mức lương của ông T được tính là 6.939.000đ. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc ông T chỉ yêu cầu là 11 năm. Tòa án cấp sơ thẩm cho ông T như vậy là đúng quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên án sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là ông Đặng Thanh T có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Xí nghiệp Cơ khí dịch vụ vật tư thủy sản nay là Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam (viết tắt là Công ty đóng tàu) trên địa bàn quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Ông T khởi kiện yêu cầu trả các khoản tiền liên quan đến thanh toán tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty đóng tàu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn có nội dung phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

- Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

Công ty đóng tàu và ông Đặng Thanh T đều xác nhận: năm 1997 hai bên có ký kết Hợp đồng lao động có thời hạn một năm. Sau đó các bên không ký lại hợp đồng nên hợp đồng lao động giữa Công ty đóng tàu và ông T đã chuyển sang hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 01-01-2014, Công ty đóng tàu và ông T ký Hợp đồng lao động số 14/HĐLĐ không xác định thời hạn. Đến ngày 27/6/2019 Công ty đóng tàu ký Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 74/2029/QĐ-TĐTTS-TC đối với ông Đặng Thanh T kể từ ngày 01/7/2019.

Như vậy, thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc của ông Đặng Thanh T tại Công ty đóng tàu từ ngày 15-9-1997 đến ngày 31-12-2008 là 11 năm 03 tháng 15 ngày, đó là thời gian ông T không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, ông T chỉ yêu cầu thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01-01-1998 đến ngày 31-12-2008 là 11 năm và bị đơn cũng đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và chấp nhận về thời gian tính trợ cấp thôi việc là có căn cứ.

Tại Điều 3 Mục 1 của Hợp đồng lao động số 14/HĐLĐ có quy định: Mức lương chính hoặc tiền công của ông T là bậc 5/6, hệ số 3,6;

Công ty đóng tàu cũng thừa nhận: Căn cứ theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP và Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14-5-2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, Công ty đóng tàu đã được quyền chủ động xây dựng thang bảng lương. Do vậy, ngày 01-12-2014 Công ty đóng tàu đã xây dựng thang bảng lương mới và chuyển xếp lương cho ông T từ bậc 5/6 hệ số 3,6 sang bậc 6/7 hệ số tương đương là 1,58. Căn cứ Quyết định số 83

ngày 16-12-2014 của Tổng Giám đốc công ty về việc nâng bậc lương cho cán bộ, công nhân viên trong đó ông T từ hệ số 1,58, bậc 6/7 lên hệ số 1,66, bậc 7/7. Theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 16-11-2018 của Chính phủ quy định lương tối thiểu vùng I (áp dụng đối với thành phố Hải Phòng năm 2019) là 4.180.000 đồng/tháng thì tiền lương 06 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động của ông T là 6.939.000 đồng/tháng.

Mặt khác, Công ty đóng tàu đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông T mức lương của 06 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 6.939.000 đồng/tháng. Đồng thời, tại Quyết định số 74/2019/QĐ-ĐTTS-TC ngày 27-6-2019 về việc chấm dứt hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc công ty đóng tàu đối với ông T cũng quy định tiền lương ông T được hưởng là 6.939.000 đồng/tháng.

Theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động và Điều 14 Nghị định 05/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động thì:

"1. Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 36 của Bộ luật này thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương.

2. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia Bảo hiểm thất nghiệp và thời gian đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc"

3. Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc".

Vậy nên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lương để tính trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động của ông T là: 11 năm x (6.939.000 đồng: 2) = 38.645.000 đồng là có căn cứ.

Đối với mức lương 4.800.000 đồng/tháng Công ty đóng tàu đã trả cho ông T chỉ mang tính chất nội bộ giữa Công ty đóng tàu và người lao động, không phù hợp với hợp đồng lao động các bên đã ký kết và các quy định của pháp luật về lao động và tiền lương.

Từ những căn cứ nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[10] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bị đơn phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 148; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 3 Điều 38; Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 48, 186 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ các điều 91, 92, 94 Luật Bảo hiểm xã hội năm năm 2006; các điều 85, 86, 87, 89 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Nghị định 12/1995/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 45 Nghị định 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006; khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015; Nghị định 05/2015/NĐ-CP; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như sau:

1. Buộc Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam phải thanh toán tiền trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động cho ông Đặng Thanh T số tiền là 38.645.000 (Ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: ông Đặng Thanh T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm, Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam phải chịu 1.159.350đ (Một triệu một trăm năm mươi chín nghìn ba trăm năm mươi) đồng án phí lao động sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hải Hà